

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP LÂM NGHIỆP

● LÊ THỊ CÔNG NGÂN

TÓM TẮT:

Giá trị doanh nghiệp là bức tranh tổng thể về doanh nghiệp, là cơ sở quan trọng để đưa ra các quyết định tài chính. Giá trị doanh nghiệp rất cần thiết cho nhà quản trị khi đánh giá bản thân doanh nghiệp, giá trị cốt lõi, lợi thế và tiềm năng của doanh nghiệp. Mục đích của nghiên cứu này là xác định những nhân tố ảnh hưởng đến các tiêu chí xác định giá trị doanh nghiệp từ đó đề xuất một số định hướng hoàn thiện các tiêu chí xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp. Bài viết đã chỉ ra các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp, gồm: Nhóm yếu tố chung và nhóm các yếu tố về đặc điểm sản xuất của các công ty lâm nghiệp. Bên cạnh các yếu tố vĩ mô và vi mô, sản xuất lâm nghiệp có những đặc thù riêng so với các ngành khác, như: chu kỳ sản xuất dài, tính đa dạng phức tạp, địa hình hoạt động khó khăn, sản xuất mang tính mùa vụ, xã hội sâu sắc, đặc biệt là tính đặc thù của rừng, đất rừng.

Từ khóa: xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp lâm nghiệp, lâm nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Việc xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp những năm qua cũng như hiện nay còn rất nhiều bất cập. Việc áp dụng các phương pháp vào thực tế có rất nhiều vướng mắc và các tiêu chí xác định giá trị doanh nghiệp ảnh hưởng trực tiếp tới các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp. Đặc biệt, xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp gặp rất nhiều khó khăn bởi tính đặc thù của ngành như chu kỳ sản xuất dài, sản xuất phức tạp, địa bàn hoạt động phân bố trên các vùng nông thôn miền núi. Chính vì vậy, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp là rất cấp thiết.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến các tiêu chí xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp

2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố chung

- Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô

Ảnh hưởng từ môi trường vĩ mô đến các tiêu chí và phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp được tổng hợp từ ý kiến từ các giám đốc doanh nghiệp, chuyên gia quản lý, cán bộ trong các công ty lâm nghiệp được nghiên cứu.

Kết quả cho thấy có sự nhất trí cao giữa những cán bộ được phỏng vấn khi cho rằng môi trường chính trị, pháp luật và môi trường kinh tế có mức độ ảnh hưởng lớn tới việc định giá doanh nghiệp lâm nghiệp. Có 70.8% số người được hỏi cho rằng môi trường chính trị và pháp luật ảnh hưởng nhiều

tới định giá doanh nghiệp trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Con số này đối với môi trường kinh tế là 60.8% ý kiến của những người được phỏng vấn đánh giá môi trường kinh tế có ảnh hưởng nhiều tới việc định giá doanh nghiệp. Có 20.8% và 18.3% số người được phỏng vấn cho rằng môi trường kinh tế có ảnh hưởng vừa và ít tới việc định giá doanh nghiệp. Không có chuyên gia nào đánh giá môi trường kinh tế không có ảnh hưởng gì tới định giá doanh nghiệp lâm nghiệp.

Môi trường tự nhiên được xếp thứ 3 về mức độ ảnh hưởng tới việc định giá doanh nghiệp lâm nghiệp, khi có tới 38.3% số người được hỏi cho rằng môi trường này ảnh hưởng nhiều tới việc định giá. 45.8% đánh giá mức độ ảnh hưởng là vừa, trong khi đó con số này đối với mức độ ảnh hưởng ít và không ảnh hưởng là 11.7% và 4.2%. Điều này cho thấy những người được phỏng vấn có chung quan điểm rằng môi trường tự nhiên, như điều kiện khí hậu, thời tiết, vị trí địa lý có ảnh hưởng nhiều tới việc định giá doanh nghiệp lâm nghiệp.

Đối với môi trường văn hóa xã hội có 35.8% và 36.7% ý kiến của những người được hỏi cho rằng mức độ ảnh hưởng là vừa và ít. Trong khi đó, con số này đối với môi trường công nghệ lần lượt là 37.5% và 48.3%.

Ảnh hưởng của môi trường vi mô

So với môi trường vĩ mô, môi trường vi mô bao gồm các yếu tố tác động đến doanh nghiệp mang tính trực tiếp và rõ ràng hơn. Hơn nữa với các yếu tố này, doanh nghiệp còn có thể kiểm soát chúng ở một mức độ nhất định. Môi trường vi mô gồm có yếu tố về khách hàng, nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh và các cơ quan nhà nước.

Khách hàng và các cơ quan nhà nước là yếu tố được đánh giá có mức độ ảnh hưởng lớn nhất tới việc định giá doanh nghiệp lâm nghiệp, với 57.5% ý kiến đánh giá mức độ ảnh hưởng nhiều, 26.7% ý kiến đánh giá mức độ ảnh hưởng vừa, và con số này đối với mức độ ảnh hưởng ít và không ảnh hưởng lần lượt là 14.2% và 1.7%.

Đối thủ cạnh tranh cũng là yếu tố có mức độ ảnh hưởng nhiều xếp thứ ba trong nhóm yếu tố vi mô, khi có đến 46.7% số người được phỏng vấn đánh giá mức độ ảnh hưởng nhiều; 44.2% ý kiến cho rằng mức độ ảnh hưởng vừa và mức độ ảnh hưởng ít và không ảnh hưởng là không đáng kể.

Nhà cung cấp được đánh giá chủ yếu với mức ảnh hưởng vừa và ít, các con số này lần lượt là 35.8% và 42.5%, chỉ 20.8% ý kiến cho rằng nhà cung cấp có mức ảnh hưởng nhiều tới việc định giá doanh nghiệp lâm nghiệp.

Tóm lại, chúng ta có thể thấy mối quan hệ của doanh nghiệp với khách hàng và mối quan hệ với cơ quan nhà nước được đánh giá có mức độ ảnh hưởng nhiều tới việc định giá doanh nghiệp lâm nghiệp. Đối thủ cạnh tranh có mức độ ảnh hưởng khá nhiều, trong khi đó vai trò của nhà cung cấp ảnh hưởng tới định giá doanh nghiệp lâm nghiệp được đánh giá ở mức ít.

2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố về đặc điểm sản xuất của các công ty lâm nghiệp

Đối với đặc điểm chu kỳ sản xuất trong doanh nghiệp lâm nghiệp dài

Trong toàn bộ các hoạt động này, đối tượng lao động chủ yếu là cây rừng, một thực thể sinh học có thời gian sinh trưởng phát triển rất dài.

Chu kỳ sản xuất dài làm cho vốn đầu tư trong các doanh nghiệp lâm nghiệp phải nằm rất lâu trong quá trình sản xuất dưới dạng sản phẩm dở dang, vì thế quay vòng chậm, rất lâu được thu hồi, dẫn đến hiệu quả kinh tế trong kinh doanh lâm nghiệp thường thấp, độ rủi ro trong kinh doanh thường cao.

Với những đặc điểm đó, khi tính toán các chỉ tiêu xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp cần chú ý đến các khía cạnh sau:

- Khi tính toán chi phí và thu nhập cho cả chu kỳ dài, ta không thể cộng chi phí và thu nhập các năm lại với nhau bình thường. Để cộng chi phí với thu nhập trong các năm của cả một chu kỳ kinh doanh, ta phải quy về cùng một thời điểm để xác định. Thời điểm đó có thể là hiện tại, hoặc là tương lai và tùy thuộc vào số tiền phát sinh để quyết định cách tính các tiêu chí có sử dụng tỷ lệ chiết khấu.

- Nếu đưa giá trị về một thời điểm hiện tại, thì dùng công thức chiết khấu như sau:

$$P = \frac{F}{(1+r)^n}$$

Trong đó:

P là giá trị hiện tại

F là giá trị tương lai

$1/(1+r)^n$ là hệ số chiết khấu

- Nếu đưa giá trị về cùng thời điểm trong tương lai thì sử dụng công thức tính kép như sau:

$$F = P(1+r)^n$$

Trong đó:

r là tỷ lệ lãi suất hay tỷ lệ chiết khấu

$(1+r)^n$ là hệ số tính kép

- Nếu số tiền mà phát sinh đều thì chúng ta sử dụng công thức chiết khấu và tính kép đối với dòng tiền đều như sau:

Công thức chiết khấu với dòng tiền đều:

$$P = \frac{A[(1+r)^n - 1]}{r(1+r)^n}$$

Công thức tính kép với dòng tiền đều:

$$P = \frac{A[(1+r)^n - 1]}{r(1+r)^n}$$

Trong đó A là dòng tiền đều

- Đặc điểm này đòi hỏi bản thân các doanh nghiệp lâm nghiệp phải hết sức thận trọng, trong khi xác định cơ cấu cây trồng, phải chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để rút ngắn chu kỳ sản xuất, mở rộng các hoạt động kinh doanh tổng hợp, lấy ngắn nuôi dài... để có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, bên cạnh đó Nhà nước cần có những chính sách ưu đãi về đầu tư cho các hoạt động kinh doanh lâm nghiệp.

Đối với đặc điểm sản xuất lâm nghiệp rất đa dạng, phức tạp

Tính phức tạp trong sản xuất của các doanh nghiệp lâm nghiệp thể hiện ở chỗ các hoạt động sản xuất vừa mang tính chất nông nghiệp lại vừa mang tính chất công nghiệp. Các hoạt động trong khâu gây trồng thường mang tính chất nông nghiệp, trong khi đó các khâu khai thác, vận chuyển và chế biến sản phẩm lại mang tính chất công nghiệp rõ nét. Quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty trải qua một thời gian rất dài và được chia làm các khâu: trồng rừng, khai thác, chế biến.... Do vậy, các sản phẩm của khâu này lại là chi phí đầu vào của khâu khác. Khi xác định giá trị hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu và thành phẩm phải xác định rõ ràng. Mặt khác, đặc thù của ngành Lâm nghiệp là giá trị hàng tồn kho chiếm chủ yếu và có thời gian quay vòng vốn lâu do quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng kéo dài. Do đó, việc xác định tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn rất quan trọng vì nó ảnh

hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu tài sản cũng như giá trị của doanh nghiệp.

Trong sản xuất lâm nghiệp, chi phí và thu nhập phụ thuộc vào độ dốc của đất, cự ly xa gần, cấp đất, cấp thực bì, mật độ, loài cây... nên khi tính toán có rất nhiều công thức kỹ thuật, khối lượng tính toán khá phức tạp. Nhiều loại tài sản khó xác định như diện tích đất đai, sản lượng rừng, giá cây đứng. Chính vì sự đa dạng về sản phẩm dẫn đến khó khăn trong việc định giá nên cần tách riêng các tiêu chí để tính toán, giá trị đất, giá trị rừng, giá trị vườn cây.

Đối với đặc điểm địa bàn hoạt động của doanh nghiệp lâm nghiệp rộng phân bố trên những vùng khó khăn

Gắn liền với tư liệu sản xuất chủ yếu là đất và cây, các doanh nghiệp lâm nghiệp thường phân bố ở các xa xôi hẻo lánh, địa hình phức tạp, cơ sở hạ tầng kém phát triển và vùng trung du miền núi.

Đặc điểm này đặt các doanh nghiệp lâm nghiệp trước những khó khăn trong việc tổ chức sản xuất, như thiếu các điều kiện cơ sở vật chất và dịch vụ xã hội cần thiết cho các hoạt động của mình. Doanh nghiệp thường phải chịu thêm những chi phí để tự xây dựng và duy trì các công trình cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, tự tổ chức các dịch vụ đời sống vật chất và tinh thần.

Đối với đặc điểm sản xuất lâm nghiệp mang tính mùa vụ

Tính mùa vụ của sản xuất trong các doanh nghiệp lâm nghiệp được quyết định bởi đối tượng lao động chủ yếu là cây cối, là những thực thể sinh học. Hơn nữa, sản xuất lâm nghiệp thường diễn ra ở điều kiện ngoài trời nên chịu ảnh hưởng rất mạnh của yếu tố thời tiết.

Tính mùa vụ của sản xuất đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng được phương án tổ chức sản xuất, tổ chức lao động hết sức linh hoạt và khoa học để vừa tận dụng được những điều kiện thuận lợi, tránh được những ảnh hưởng bất lợi của thời tiết trong tổ chức sản xuất, đồng thời cũng phải chủ động áp dụng các biện pháp tổ chức kỹ thuật thích hợp để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng của tính mùa vụ đối với sản xuất kinh doanh.

Đặc điểm này cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn, phân bổ chi phí

theo thời gian, phân bổ chi phí cho sản phẩm, gây lãng phí và hiệu quả sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng.

Đối với đặc điểm sản xuất lâm nghiệp mang tính xã hội sâu sắc

Nghề rừng là một trong những nghề truyền thống lâu đời của đồng bào các dân tộc miền núi. Mọi hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp lâm nghiệp đều có ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân địa phương, đồng thời doanh nghiệp lâm nghiệp cũng chịu ảnh hưởng rất lớn của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên cùng địa bàn. Vì vậy, có thể thấy các hoạt động sản xuất lâm nghiệp luôn mang tính xã hội rất sâu sắc.

Đặc điểm này đòi hỏi các doanh nghiệp lâm nghiệp phải thu hút được sự tham gia chặt chẽ, đầy đủ của cộng đồng nhân dân địa phương vào quá trình sản xuất kinh doanh của mình, đồng thời cũng phải có trách nhiệm tổ chức sản xuất, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho nhân dân địa phương, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển toàn diện kinh tế xã hội trên địa bàn hoạt động của mình.

Tuy nhiên, đặc điểm này cũng ảnh hưởng và gây khó khăn cho việc tính toán xác định giá trị các loại tài sản trong doanh nghiệp, bởi vì các loại tài sản trong các doanh nghiệp lâm nghiệp thường đa dạng các hình thức sở hữu như các lô rừng của các hộ gia đình nhận khoán. Mặc dù các công ty lâm nghiệp có diện tích rất rộng nhưng khả năng tự đầu tư sản xuất kinh doanh hạn chế nên tất cả các công ty lâm nghiệp đều khoán kinh doanh rừng lâu dài cho các hộ gia đình là công nhân và hộ dân trong khu vực công ty quản lý. Hình thức khoán này lại rất đa dạng, lúc thì công ty đầu tư vốn và kỹ thuật, lúc thì các hộ gia đình tự đầu tư vốn... Vì vậy, tỷ lệ phân chia lợi ích giữa các bên luôn luôn là vấn đề phức tạp. Cho đến nay trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp vẫn chưa thực hiện được chủ trương khoán 10 như trong nông nghiệp

Đối với đặc điểm đặc thù của định giá rừng, đất lâm nghiệp

Định giá rừng/đất Lâm nghiệp chịu ảnh hưởng các đặc thù của thị trường giao dịch các loại tài sản này. Thị trường giao dịch quyền sử dụng rừng/đất rừng bao gồm tổng hòa các giao dịch dân

sự về quyền sử dụng rừng, đất rừng theo quy định của pháp luật tại một địa bàn nhất định trong một thời gian nhất định.

- Sự can thiệp và quản lý của Nhà nước chặt chẽ, giá cả và quy mô giao dịch của thị trường phụ thuộc lớn vào các chính sách của Nhà nước.

- Thị trường bất động sản mang tính vùng, tính khu vực sâu sắc.

- Độ co giãn của cung về rừng/đất rừng thấp.

- Chi phí mua bán giao dịch cao, khả năng chuyển đổi thành tiền mặt kém linh hoạt.

- Là thị trường không cạnh tranh hoặc ít mang tính cạnh tranh.

Các đặc trưng nói trên ảnh hưởng đến cách thức hình thành giá trên thị trường và do vậy, ảnh hưởng đến định giá rừng, đất rừng.

3. Định hướng hoàn thiện các tiêu chí xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp

Bài viết đã chỉ ra các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp, gồm: Nhóm yếu tố chung và nhóm các yếu tố về đặc điểm sản xuất của các công ty lâm nghiệp. Bên cạnh các yếu tố vĩ mô và vi mô, sản xuất lâm nghiệp có những đặc thù riêng so với các ngành khác, như chu kỳ sản xuất dài, tính đa dạng phức tạp, địa hình hoạt động khó khăn, sản xuất mang tính mùa vụ, xã hội sâu sắc và đặc biệt là tính đặc thù của rừng, đất rừng. Tác giả đề xuất một số định hướng hoàn thiện các tiêu chí xác định giá trị doanh nghiệp lâm nghiệp như sau:

Thứ nhất: Đa dạng hóa loại hình doanh nghiệp.

Nghị quyết 30/NQ-TW và Nghị định 118/NĐ-CP đã nêu rõ phương án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp (CTLN). Theo đó, các CTLN sẽ được sắp xếp theo nhiều loại hình khác nhau để phù hợp với đặc điểm SXKD của công ty. Định hướng này đặt ra yêu cầu phải có phương pháp, tiêu chí thống nhất để xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho quá trình sắp xếp, cụ thể:

Tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển các CTLN 100% vốn nhà nước. Các CTLN quản lý chủ yếu rừng tự nhiên là rừng sản xuất được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững; được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững hoạt

động sản xuất, kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp và được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối với diện tích đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng xen kẽ trong địa giới công ty thì kinh phí để bảo vệ, phát triển rừng theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch hàng năm do Nhà nước bảo đảm hoặc được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của công ty.

Duy trì CTLN công ích 100% vốn nhà nước hoặc chuyển sang ban quản lý rừng. Các CTLN quản lý chủ yếu rừng tự nhiên là rừng sản xuất chưa được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững được Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ công ích, quản lý bảo vệ rừng theo kế hoạch hoặc đơn đặt hàng. Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất sử dụng để thực hiện nhiệm vụ công ích. Ngoài nhiệm vụ công ích, công ty thực hiện kinh doanh theo quy định của pháp luật: được huy động các nguồn tài chính phục vụ bảo vệ, phát triển rừng và được tận dụng sản phẩm từ rừng theo quy chế quản lý rừng.

Cổ phần hóa các CTLN sản xuất giống cây lâm nghiệp, các CTLN quản lý chủ yếu là rừng trồng.

Thành lập các CTLN trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên nhằm gắn kết phát triển vùng nguyên liệu của công ty và của người dân trong vùng với phát triển công nghiệp chế biến lâm sản và thị trường.

Giải thể các CTLN kinh doanh thua lỗ kéo dài: các công ty thực hiện khoán trắng, giao khoán đất nhưng không quản lý được đất đai và sản phẩm làm ra: các công ty có quy mô nhỏ, không cần thiết phải giữ lại. Khi giải thể phải xử lý công nợ, tài sản trên đất (rừng, tài sản) và bàn giao đất đai về địa phương quản lý theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của người đang nhận khoán, ổn định xã hội tại địa phương, xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

Thứ hai: Cần phân biệt rõ nhiệm vụ công ích với nhiệm vụ SXKD của các CTLN.

Cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của CTLN theo hướng tách bạch diện tích SXKD để doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp,

đối với diện tích làm nhiệm vụ công ích thì Nhà nước có chính sách đặt hàng. Thực hiện phân biệt rõ nhiệm vụ công ích và nhiệm vụ SXKD cho các CTLN sẽ giúp việc xác định giá trị của các tiêu chí chính xác hơn.

Đối với những công ty quản lý chủ yếu rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Theo qui định về đóng cửa rừng tự nhiên, các công ty này sẽ không có nguồn thu từ khai thác gỗ rừng tự nhiên nên công ty không có nguồn tài chính để quản lý, bảo vệ diện tích loại rừng này. Vì thế, việc quản lý, bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên (và rừng phòng hộ, rừng đặc dụng nếu có) sẽ do Nhà nước giao kế hoạch hoặc đặt hàng ổn định, lâu dài và hàng năm được cấp đủ và kịp thời kinh phí cho công ty.

Bên cạnh diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao, công ty còn quản lý một số diện tích rừng sản xuất là rừng trồng. Với năng lực và kinh nghiệm về quản lý, kinh doanh rừng các công ty vẫn có thể tiếp tục sử dụng những diện tích này vào mục đích kinh doanh, làm dịch vụ về lâm nghiệp hoặc khai thác, kinh doanh lâm sản ngoài gỗ khai thác từ rừng tự nhiên.

Đối với những công ty chủ yếu quản lý rừng sản xuất là rừng trồng: có nhiệm vụ chính là kinh doanh rừng trồng với mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận và kinh doanh rừng bền vững. Ngoài ra, công ty còn thực hiện các hoạt động khuyến lâm và làm dịch vụ về lâm nghiệp cho nhân dân trên địa bàn. Toàn bộ hoạt động trên của công ty phải thực hiện xác định giá trị tài sản theo cơ chế hạch toán kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư của mình.

Bên cạnh chức năng chính là kinh doanh rừng, những công ty được giao quản lý rừng sản xuất là rừng tự nhiên không được khai thác gỗ rừng tự nhiên (và rừng phòng hộ hoặc đặc dụng) được coi là thực hiện hoạt động công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng quản lý bảo vệ và hàng năm sẽ được cấp kinh phí.

Thứ ba: Đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động SXKD của doanh nghiệp, hạn chế tối đa sự can thiệp quá sâu của Nhà nước. Phân cấp quản lý rõ ràng để CTLN được hoàn toàn tự chủ trong SXKD đối với diện tích SXKD ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Kiều Đức Anh (2010). *Các giải pháp xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ công tác cổ phần hóa và chuyển giao doanh nghiệp*. Luận văn thạc sỹ kinh tế, ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
2. Trần Việt Anh (2005). *Phương pháp xác định giá trị cho Ngân hàng Thương mại Việt Nam*. Tài liệu hội thảo Hoàn thiện các Phương pháp định giá doanh nghiệp trong CPH và chuyển đổi DNNN ở Việt Nam.
3. Bộ Tài chính (2002). *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01- Chuẩn mực chung, ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*.
4. Bộ Tài chính (2002). *Thông tư số 126/2004/TT-BTC, ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển DNNN thành công ty cổ phần*.

Ngày nhận bài: 5/4/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/5/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/5/2021

Thông tin tác giả:

LÊ THỊ CÔNG NGÂN

Trường Đại học Lâm nghiệp

**FACTORS AFFECTING THE CRITERIA
FOR VALUE DETERMINATION
OF FORESTRY ENTERPRISES**

● **LE THI CONG NGAN**

Vietnam National Forestry University

ABSTRACT:

The value of enterprise shows an overall picture of enterprise and it is an important basis for making financial decisions. It is essential for managers to determine the value, advantages and potential of their enterprises. This study is to determine the factors affecting the criteria for determining enterprise value, thereby proposing some orientations to improve the criteria for determining the value of forestry enterprises. The study finds out that there are two groups of factors affecting the value determination of forestry enterprises, namely the group of common factors and the group of production characteristics of forestry enterprises. Besides macro and micro factors, forestry enterprises have their own business characteristics such as long production cycle, diversity, difficult terrain for production, seasonal production and special characteristics of forests and forest land.

Keywords: determining the value of forestry enterprises, forestry.